

Số: /TTr-STC

Lai Châu, ngày tháng năm 2026

TỜ TRÌNH

Đề nghị ban hành Quyết định quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí thực hiện mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; thuê hàng hóa, dịch vụ; chủ trương và dự kiến chi phí thực hiện sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng; dự kiến chi phí thực hiện hoạt động quy hoạch sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lai Châu

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật; số 104/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 Quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán chi thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 40 Luật Ngân sách nhà nước;

Thực hiện Công văn số 2550/UBND-KTN ngày 09 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị định số 104/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ (sau đây gọi là Nghị định 104/2026/NĐ-CP). Sau khi nghiên cứu nội dung Nghị định số 104/2026/NĐ-CP và các quy định hiện hành Sở Tài chính báo cáo, trình Ủy ban nhân dân tỉnh, ban hành Quyết định Quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí thực hiện mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; thuê hàng hóa, dịch vụ; chi phí thực hiện sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây

dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng và phê duyệt dự kiến chi phí thực hiện hoạt động quy hoạch sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lai Châu như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH

1. Cơ sở pháp lý

Ngày 31/3/2026, Chính phủ ban hành Nghị định số 104/2026/NĐ-CP Quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán chi thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 40 Luật Ngân sách nhà nước theo đó:

Tại khoản 1 Điều 29 Nghị định số 104/2026/NĐ-CP quy định: “*Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành, thay thế Nghị định số 98/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán chi thường xuyên để mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; chi thuê hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng và các nhiệm vụ cần thiết khác*”. Như vậy, căn cứ pháp lý để ban hành Nghị quyết số 45/2025/NQ-HĐND là Nghị định số 98/2025/NĐ-CP ngày 06/5/2025 của Chính phủ đã hết hiệu lực thi hành kể từ ngày 31/3/2026.

Tại khoản 3 Điều 17 Nghị định số 104/2026/NĐ-CP quy định: “*3. Đối với nhiệm vụ mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị phục vụ hoạt động của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí thực hiện mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị bảo đảm phù hợp với tình hình thực tiễn tại địa phương*”.

Tại điểm b khoản 2 Điều 20 Nghị định số 104/2026/NĐ-CP quy định: “*b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến chi phí thực hiện sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng của cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương*”.

Tại điểm b khoản 2 Điều 25 Nghị định số 104/2026/NĐ-CP quy định: “*b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt dự kiến chi phí thực hiện hoạt động quy hoạch của cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương*”.

Tại khoản 1 Điều 27 Nghị định số 104/2026/NĐ-CP quy định: “*1. Việc lập dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ thuê hàng hóa, dịch vụ được thực hiện theo quy định tại Điều 17 Nghị định này*”.

2. Cơ sở thực tiễn

Thực hiện Nghị định số 98/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước để mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; chi thuê hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng và các nhiệm vụ cần thiết khác. Sở Tài chính đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh, trình Hội đồng nhân dân tỉnh để ban hành Nghị quyết số 45/2025/NQ-HĐND là đảm bảo kịp thời đúng quy định, là căn cứ pháp lý cho các cơ quan, đơn vị địa phương tổ chức lập chấp hành quyết toán ngân sách.

Tuy nhiên, ngày 31/3/2026 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 104/2026/NĐ-CP quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán chi thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 40 Luật Ngân sách nhà nước. Theo đó, tại khoản 3 Điều 17; điểm b khoản 2 Điều 20; điểm b khoản 2 Điều 25; khoản 1 Điều 27 Nghị định số 104/2026/NĐ-CP quy định, thẩm quyền quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí thực hiện mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; thuê hàng hóa, dịch vụ; chủ trương và dự kiến chi phí thực hiện sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng; dự kiến chi phí thực hiện hoạt động quy hoạch thuộc phạm vi quản lý của địa phương từ nguồn chi thường xuyên ngân sách nhà nước chuyển từ thẩm quyền Hội đồng nhân dân tỉnh sang Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc quy định thẩm quyền.

Ngày /.../2026, Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết bãi bỏ Nghị quyết số 45/2025/NQ-HĐND quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước thực hiện mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; thuê hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lai Châu. Do vậy, cần ban hành quy định về thẩm quyền để các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện theo thẩm quyền việc phê duyệt nhiệm vụ, dự kiến kinh phí, chi phí làm cơ sở để lập, phân bổ, quản lý, sử dụng kinh phí chi thường xuyên thực hiện mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; thuê hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng và thực hiện hoạt động quy hoạch được cấp thẩm quyền giao.

Từ cơ sở nêu trên cho thấy, việc tham mưu xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định Quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí thực hiện mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài

sản, trang thiết bị; thuê hàng hóa, dịch vụ; chi phí thực hiện sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng và phê duyệt dự kiến chi phí thực hiện hoạt động quy hoạch sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lai Châu là cần thiết và đúng thẩm quyền.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VIỆC XÂY DỰNG DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH

1. Mục đích

- Nhằm cụ thể hoá các nội dung được giao theo thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 17; điểm b khoản 2 Điều 20; điểm b khoản 2 Điều 25; khoản 1 Điều 27 Nghị định số 104/2026/NĐ-CP.

- Quyết định là căn cứ để các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện theo thẩm quyền việc phê duyệt nhiệm vụ, dự kiến kinh phí, chi phí làm cơ sở để lập, phân bổ, quản lý, sử dụng kinh phí chi thường xuyên thực hiện mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; thuê hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng và thực hiện hoạt động quy hoạch được cấp có thẩm quyền giao.

2. Quan điểm xây dựng

Việc xây dựng Quyết định được thực hiện trên quan điểm bảo đảm tuân thủ theo quy định của pháp luật hiện hành: Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Luật ngân sách nhà nước; Nghị định số 104/2026/NĐ-CP của Chính phủ và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Bám sát chủ trương, định hướng của Trung ương và của tỉnh về tăng cường phân cấp, phân quyền. Kế thừa phân cấp tại Nghị quyết số 45/2025/NQ-HĐND của HĐND tỉnh còn phù hợp thực tiễn; Quyết định phải bảo đảm tính khả thi, đồng bộ, công khai, minh bạch dễ hiểu, dễ áp dụng.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH

Trong quá trình xây dựng dự thảo Quyết định, Sở Tài chính đã thực hiện đúng quy trình tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15; Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 87/2025/NĐ-CP.

Dự thảo Quyết định đã được đăng tải trên cổng thông tin điện tử của tỉnh và lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định.

Dự thảo Quyết định cũng đã được Sở Tư pháp thẩm định tại Báo cáo số/BC-STP ngày tháng năm 2026 theo quy định, trên cơ sở ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp, Sở Tài chính đã thực hiện việc tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định và hoàn thiện dự thảo Quyết định để trình UBND tỉnh ban hành.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH

1. Bố cục: Dự thảo gồm 5 Điều, trong đó:

- Điều 1: Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng
- Điều 2. Quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí thực hiện mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; thuê hàng hóa, dịch vụ của các cơ quan, đơn vị.
- Điều 3. Quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến chi phí thực hiện sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng.
- Điều 4. Quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt dự kiến chi phí thực hiện hoạt động quy hoạch
- Điều 5: Điều khoản thi hành.

2. Nội dung cơ bản của dự thảo Quyết định

Nội dung chính của Quyết định gồm:

2.1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng (Điều 1 dự thảo Quyết định)

2.1.1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quyết định này Quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí thực hiện mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; thuê hàng hóa, dịch vụ; chủ trương và dự kiến chi phí thực hiện sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng; dự kiến chi phí thực hiện hoạt động quy hoạch sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lai Châu theo khoản 3 Điều 17, điểm b khoản 2 Điều 20, điểm b khoản 2 Điều 25 và khoản 1 Điều 27 Nghị định số 104/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ Quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán chi thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 40 Luật Ngân sách nhà nước.

2.1.2. Đối tượng áp dụng

- a) Các cơ quan nhà nước, Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam các cấp (bao gồm các tổ chức chính trị - xã hội), các tổ chức chính trị.
- b) Các đơn vị sự nghiệp công lập.

c) Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến sử dụng kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước để thực hiện mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; thuê hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng; thực hiện hoạt động quy hoạch.

d) Các đối tượng quy định tại điểm a, điểm b khoản này, sau đây được gọi chung là cơ quan, đơn vị.

Cơ sở đề xuất: Theo quy định tại điểm d, điểm d khoản 1 Điều 1 và Điều 2 của Nghị định số 104/2026/NĐ-CP.

2.2. Quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí thực hiện mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; thuê hàng hóa, dịch vụ của các cơ quan, đơn vị (Điều 2 dự thảo Quyết định)

2.2.1. Cơ quan, đơn vị cấp tỉnh

a) Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí thực hiện mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của cấp tỉnh có tổng dự toán thực hiện từ 07 tỷ đồng trở lên/nhiệm vụ.

b) Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí thực hiện mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị của cơ quan, đơn vị mình có tổng dự toán thực hiện dưới 07 tỷ đồng/nhiệm vụ; quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí thực hiện mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị cho cơ quan, đơn vị trực thuộc có tổng dự toán thực hiện từ 200 triệu đồng/nhiệm vụ trở lên đến dưới 07 tỷ đồng/nhiệm vụ.

c) Thủ trưởng cơ quan, đơn vị trực thuộc các sở, ban, ngành tỉnh quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí thực hiện mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị có tổng dự toán thực hiện dưới 200 triệu đồng/nhiệm vụ.

Cơ sở đề xuất:

- Mức phân cấp quyết định đề xuất giữ nguyên như nội dung đã được quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 45/2025/NQ-HĐND,

- Tại Quy chế làm việc số 19-QC/TU ngày 12/4/2023 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 1178-QĐ/TU ngày 3/7/2024 của Tỉnh ủy Lai Châu quy định Thường trực Tỉnh ủy cho chủ trương mua sắm tài sản có giá trị trên 1 tỷ đồng/đơn vị tại sản, căn cứ quy định trên tại Nghị quyết số 45/2025/NQ-HĐND đã quy định thẩm quyền quyết định trên cơ sở giá trị của 01 tài sản để phù hợp với quy chế của làm việc của Tỉnh ủy. Tuy

nhiên, đến nay Quy chế làm việc số 07-QC/TU ngày 24/4/2026 của Tỉnh ủy đã lược bỏ nội dung quy định định trên.

Mặt khác qua đánh giá, tổng kết Nghị quyết số 45/2025/NQ-HĐND nhận thấy việc quy định thẩm quyền được xác định trên cơ sở giá trị của 01 tài sản phát sinh bất cập, vướng mắc trong việc triển khai thực hiện, đặc biệt đối với các tài sản phục vụ nhiệm vụ phát triển khoa học công nghệ đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cụ thể:

Theo quy định của pháp luật về tài sản cơ sở xác định tài sản như sau: (1) Tài sản sử dụng độc lập được xác định là một tài sản. (2) Một hệ thống gồm nhiều bộ phận tài sản riêng lẻ liên kết với nhau để cùng thực hiện một hay một số chức năng nhất định... thì hệ thống đó được xác định là một tài sản.

Ví dụ: Hệ thống công nghệ thông tin có giá trị 1.400 trđ gồm các tài sản độc lập (1) Hệ thống máy chủ (phần cứng) giá trị tài sản 900 trđ/tài sản, phần mềm chạy trên máy chủ có giá trị 500trđ/tài sản, các tài sản này có thể sử dụng độc lập hoặc kết hợp với nhau thành hệ thống. Vì vậy, khi xác định giá trị tài sản làm cơ sở xác định thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ dự toán nếu xác định riêng từng tài sản thì thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ trưởng các sở, ngành; nếu xác định giá trị của hệ thống thì thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND tỉnh).

Như vậy việc xác định giá trị 01 đơn vị tài sản để xác định thẩm quyền phát sinh vướng mắc, khó khăn. Do đó, đề xuất lược bỏ thẩm quyền phê duyệt đối với giá trị 01 đơn vị tài sản mà thực hiện quy định thẩm quyền theo tổng nhiệm vụ để phù hợp với quy chế làm việc của Tỉnh ủy và giải quyết vướng mắc bất cập phát sinh trong quá trình thực hiện Nghị quyết số 45/2025/QĐ-HĐND.

2.2.2. Cơ quan, đơn vị cấp xã

a) Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí thực hiện mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của cấp xã có tổng dự toán thực hiện từ 200 triệu đồng trở lên/nhiệm vụ (bao gồm cả ngân sách cấp trên bổ sung có mục tiêu).

b) Thủ trưởng các đơn vị dự toán thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí thực hiện mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị có tổng dự toán thực hiện dưới 200 triệu đồng/nhiệm vụ (bao gồm cả ngân sách cấp trên bổ sung có mục tiêu).

2.2.3. Thẩm quyền quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí thực hiện thuê hàng hóa, dịch vụ thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

2.3. Quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến chi phí thực hiện sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng (Điều 3 dự thảo Quyết định)

2.3.1. Cơ quan, đơn vị cấp tỉnh

a) Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến chi phí thực hiện sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của cấp tỉnh có tổng dự toán thực hiện từ 03 tỷ đồng/nhiệm vụ đến tối đa không quá 20 tỷ đồng/nhiệm vụ.

b) Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến chi phí thực hiện sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng của cơ quan, đơn vị mình có tổng dự toán thực hiện dưới 03 tỷ đồng/nhiệm vụ; quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến chi phí thực hiện sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng cho cơ quan, đơn vị trực thuộc có tổng dự toán thực hiện từ 500 triệu đồng/nhiệm vụ đến dưới 03 tỷ đồng/nhiệm vụ.

c) Thủ trưởng các đơn vị dự toán trực thuộc các sở, ban, ngành tỉnh quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến chi phí thực hiện sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng của đơn vị mình có tổng dự toán thực hiện dưới 500 triệu đồng/nhiệm vụ.

Cơ sở đề xuất: Đề xuất giữ nguyên thẩm quyền đã quy định tại Nghị quyết số 45/2025/NQ-HĐND.

2.3.2. Cơ quan, đơn vị cấp xã

a) Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến chi phí thực hiện sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng của các cơ quan, đơn vị thuộc cấp xã quản lý có tổng dự toán thực hiện từ 500 triệu đồng/nhiệm vụ đến tối đa không quá 20 tỷ đồng/nhiệm vụ (bao gồm cả ngân sách cấp trên bổ sung có mục tiêu).

b) Thủ trưởng các đơn vị dự toán thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến chi phí thực hiện sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư của đơn vị mình có tổng dự toán thực hiện dưới 500 triệu đồng/nhiệm vụ (bao gồm cả ngân sách cấp trên bổ sung có mục tiêu).

Cơ sở đề xuất: Để tăng cường phân cấp tạo chủ động cho ngân sách cấp xã giảm thủ tục hành chính và đảm bảo theo quy định tại khoản 5, Điều 9 Luật

Ngân sách nhà nước “*Nhiệm vụ chi thuộc ngân sách cấp nào do ngân sách cấp đó đảm bảo*”.

2.4. Quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt dự kiến chi phí thực hiện hoạt động quy hoạch (Điều 4 của dự thảo Quyết định)

2.4.1. Cơ quan, đơn vị cấp tỉnh

a) Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt dự kiến chi phí thực hiện hoạt động quy hoạch của các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh tổng dự toán thực hiện từ 07 tỷ đồng trở lên/hoạt động.

b) Các sở, ban, ngành quyết định phê duyệt dự kiến chi phí thực hiện hoạt động quy hoạch do cơ quan, đơn vị mình thực hiện có tổng dự toán thực hiện dưới 07 tỷ đồng/hoạt động.

2.4.2. Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phê duyệt dự kiến chi phí thực hiện hoạt động quy hoạch do Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lập nhiệm vụ quy hoạch (bao gồm cả ngân sách cấp trên bổ sung có mục tiêu).

Lý do, cơ sở đề xuất:

- Qua nghiên cứu, tham khảo Luật quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15, được sửa đổi bởi Luật số 144/2025/QH15 nhận thấy tại Điều 17 Luật quy định: “3. Cơ quan, tổ chức trực thuộc UBND cấp tỉnh được giao quản lý khu chức năng tổ chức lập nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch khu chức năng đó.

3a. Đối với các khu vực trong khu chức năng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công trách nhiệm tổ chức lập quy hoạch giữa cơ quan, tổ chức được giao quản lý khu chức năng và Ủy ban nhân dân cấp xã...

4. Trừ trường hợp quy định tại các khoản 2 và 3 Điều này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức lập nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc phạm vi địa giới đơn vị hành chính do mình quản lý trong các trường hợp sau đây:

a) Quy hoạch chung thành phố, quy hoạch chung đô thị mới dự kiến thành lập thành phố; quy hoạch chung đô thị hoặc quy hoạch chung đô thị mới có phạm vi quy hoạch liên quan đến địa giới hành chính của từ 02 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc trở lên; quy hoạch chung khu kinh tế, quy hoạch chung khu du lịch quốc gia;

...5. Trừ trường hợp quy định tại các khoản 2, 3, 3a, 4, 7 và 8 Điều này, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lập nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch đô thị và nông thôn sau đây:

a) Quy hoạch chung xã, quy hoạch chung đặc khu không phải là đô thị; quy hoạch chung đặc khu là đô thị; quy hoạch chung đô thị mới đối với xã hoặc đặc khu được định hướng là đô thị;

b) Quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết có phạm vi quy hoạch thuộc phạm vi địa giới đơn vị hành chính do mình quản lý.”

Do đó để phù hợp với Luật quy hoạch đô thị và nông thôn hiện nay và mức kinh phí đã phân cấp tại điểm 2.2, 2.3 mục IV văn bản này, Sở Tài chính đề xuất thẩm quyền phê duyệt đối với UBND cấp tỉnh, các sở ngành thuộc tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã như trên.

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH QUYẾT ĐỊNH

1. Về nguồn lực

- a) Về nguồn nhân lực thực hiện: Không làm phát sinh biên chế.
- b) Về nguồn kinh phí thực hiện: Sử dụng từ nguồn chi thường xuyên ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành.

2. Điều kiện đảm bảo cho việc thi hành Quyết định

Sau khi Quyết định được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành, các sở, ban, ngành tỉnh và đơn vị có liên quan nghiên cứu triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời các nội dung của Quyết định.

VI. HỒ SƠ KÈM THEO TỜ TRÌNH, GỒM:

- Dự thảo Quyết của UBND tỉnh.
- Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp.
- Báo cáo tổng hợp ý kiến góp ý và tiếp thu, giải trình của Sở Tài chính.

Sở Tài chính kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các đ/c Phó Giám đốc Sở;
- Các phòng thuộc Sở;
- Lưu: VT, TCHCSN.

GIÁM ĐỐC

Phạm Hồng Trường